

Số: 3204/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành định dạng định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/05/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2435/QĐ-ĐHTN ngày 26/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-ĐHTN ngày 26/03/2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc thành lập Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 01/04/2025 của Ban thẩm định định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 2. Định dạng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Trung Quốc nói trên được sử dụng làm căn cứ xây dựng ngân hàng đề thi đánh giá sử dụng tiếng Trung Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Điều 3. Các ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và các ban chức năng, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS. TS. Nguyễn Hữu Công

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG TRUNG QUỐC

Từ bậc 1 đến bậc 6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Ban hành kèm theo quyết định số 3204 /QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

I. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 1

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 1 tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 150 từ vựng thông dụng; hiểu và sử dụng được một số câu đơn giản nhất để đáp ứng nhu cầu giao tiếp đơn giản cũng như làm cơ sở cho việc tiếp tục học tiếng Trung Quốc ở bậc cao hơn.

2. Định dạng đề thi

Bậc 1 tổng cộng có 40 câu hỏi, chia làm 2 phần : Nghe hiểu và Đọc hiểu.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	5	20	Khoảng 15
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	5		
	PHẦN 4	5		
Điền vào phiếu trả lời của phần nghe				3
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	5	20	17
	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	5		
	PHẦN 4	5		
Tổng cộng	/	40		Khoảng 35

Toàn bộ thời gian thi khoảng 40 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là một cụm từ, trên đề thi sẽ đưa ra một hình ảnh, thí sinh căn vào nội dung nghe được để phán đoán đúng sai.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, tương ứng với mỗi câu hỏi thi là ba bức tranh, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi, thí sinh nghe một đoạn hội thoại và đề thi sẽ cung cấp sẵn một vài hình ảnh, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu nghe 2 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi, người thứ nhất nói một câu, người thứ hai căn cứ vào câu nói của người thứ nhất để đặt câu hỏi đồng thời đọc ba phương án trả lời (A, B, C), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một hình ảnh và một từ, thí sinh phán đoán xem giữa hình ảnh và từ đó có nhất quán hay không.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một vài hình ảnh, mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ vào nội dung câu hỏi thi để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp 5 câu hỏi thi và 5 câu trả lời, thí sinh phải tìm ra mối liên hệ tương ứng giữa câu hỏi và câu trả lời để lựa chọn phương án đúng.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống, thí sinh phải căn cứ vào đáp án đã được cung cấp trên đề thi để lựa chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

Các câu hỏi thi trên đề thi đều được phiên âm.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	5	20	10	0,5
	PHẦN 2	5			0,5
	PHẦN 3	5			0,5
	PHẦN 4	5			0,5
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	5	20	10	0,5
	PHẦN 2	5			0,5
	PHẦN 3	5			0,5
	PHẦN 4	5			0,5
Tổng cộng	/	40		20	

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 1 sẽ được thể hiện trên ba phần: Điểm nghe hiểu, điểm Đọc hiểu và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 02 phần thi Nghe hiểu và Đọc hiểu. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 2

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 2 tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 300 từ vựng thông dụng; tiến hành được giao tiếp đơn giản với các chủ đề thân thuộc trong cuộc sống hàng ngày nhằm đạt được năng lực tiếng Trung Quốc ở bậc sơ cấp (mức độ cao).

2. Định dạng đề thi

Bậc 2 tổng cộng có 60 câu hỏi, chia làm 2 phần: Nghe hiểu và Đọc hiểu

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	35	Khoảng 25
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	10		
	PHẦN 4	5		
Điền vào phiếu trả lời của phần nghe				3
2. ĐỌC	PHẦN 1	5	25	22

HIỆU	PHẦN 2	5		
	PHẦN 3	5		
	PHẦN 4	10		
Tổng cộng	/	60		Khoảng 50

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 55 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là một câu hoàn chỉnh, trên đề thi sẽ đưa ra một hình ảnh, thí sinh căn vào nội dung nghe được để phán đoán đúng sai.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là một đoạn hội thoại, trên đề thi cung cấp sẵn một vài hình ảnh, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ ba có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là hai câu hội thoại giữa hai người, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để đặt một câu hỏi. Mỗi câu hỏi có cung cấp 3 phương án trả lời (A, B, C), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 5 câu hỏi thi, mỗi câu nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là đoạn hội thoại giữa 2 người gồm bốn đến năm câu thoại, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để đặt một câu hỏi. Mỗi câu hỏi có cung cấp 3 phương án trả lời (A, B, C), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Đề thi sẽ cung cấp một vài hình ảnh, mỗi câu hỏi đưa ra một câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ vào nội dung câu đã được đưa ra để chọn một hình ảnh có nội dung tương ứng.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi sẽ cung cấp một đến hai câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống thí sinh căn cứ vào đáp án đã được cung cấp trên đề thi để lựa chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu.

Phần thứ ba có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi sẽ đưa ra 2 câu hoàn chỉnh, thí sinh phải phán đoán giữa câu thứ nhất và câu thứ hai có nhất quán về nội dung hay không.

Phần thứ tư có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Đề thi cung cấp 20 câu hoàn chỉnh, thí sinh phải tìm ra mối liên hệ tương ứng về nội dung giữa các cặp câu.

Các câu hỏi trên đề thi đều được có kèm phiên âm.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)	ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	10	0,3
	PHẦN 2	10		0,3
	PHẦN 3	10		0,3
	PHẦN 4	5		0,2
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	5	10	0,4
	PHẦN 2	5		0,4
	PHẦN 3	5		0,4
	PHẦN 4	10		0,4
Tổng cộng	/	60	20	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 2 sẽ được thể hiện trên ba phần: Điểm nghe hiểu, điểm Đọc hiểu và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 02 phần thi Nghe hiểu và Đọc hiểu. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

III. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 3

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 3 tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 600 từ vựng thông dụng; Thí sinh có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để thực hiện các giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, học tập, làm việc...; Ngoài ra, khi đi du lịch Trung Quốc có thể cơ bản thực hiện được các giao tiếp thông thường.

2. Định dạng đề thi

Tổng cộng có 80 câu hỏi, chia làm 3 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu và Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	40	Khoảng 35
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	10		
	PHẦN 4	10		
Điền phiếu trả lời của phần nghe				5
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	30	30
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	10		
3. VIẾT	PHẦN 1	5	10	15
	PHẦN 2	5		
Tổng cộng		80		Khoảng 85

Toàn bộ thời gian thi khoảng 90 phút (bao gồm 5 phút thí sinh điền thông tin cá nhân).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là một hội thoại ngắn (thường gồm 2 câu) và trong đề thi sẽ cung cấp một số hình ảnh, thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra hình ảnh tương ứng.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi, mỗi câu hỏi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu sẽ thực hiện như sau: Người thứ nhất nói một đoạn văn ngắn, người thứ hai căn cứ vào đoạn văn này đưa ra thông tin là một câu hoàn chỉnh và câu này được cung cấp trên đề thi để từ đó thí sinh dựa vào nội dung nghe được phán đoán câu được cung cấp là đúng hay sai.

Phần thứ ba có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu là hai câu hội thoại giữa hai người, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để đặt một câu hỏi. Mỗi câu hỏi trên đề thi sẽ đưa ra 3 phương án trả lời (A, B, C), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

Phần thứ tư có tổng cộng 10 câu hỏi, mỗi câu nghe 2 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là khoảng bốn đến năm câu hội thoại giữa hai người, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để hỏi một câu hỏi. Mỗi câu hỏi trên đề thi đều sẽ có ba phương án trả lời (A, B, C), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra một đáp án đúng nhất.

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Đề thi đưa ra 20 câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ logic để ghép các cặp câu lại với nhau.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một đến hai câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống, thí sinh phải căn cứ vào đáp án đã được cung cấp trên đề thi để lựa chọn từ thích hợp đã cho sẵn để điền vào chỗ trống trong câu.

Phần thứ ba có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Đề thi sẽ đưa ra 10 đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một câu hỏi, thí sinh căn cứ vào ba phương án (A, B, C) đã được đưa ra theo mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp sẵn một số từ, yêu cầu thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một câu hoàn chỉnh, trong câu sẽ có một ô trống, yêu cầu thí sinh viết một chữ Hán chính xác vào ô trống đó.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	40	10	0,25
	PHẦN 2	10			0,25
	PHẦN 3	10			0,25
	PHẦN 4	10			0,25
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	30	10	0,4
	PHẦN 2	10			0,3
	PHẦN 3	10			0,3
3. VIẾT	PHẦN 1	5	10	10	1,2
	PHẦN 2	5			0,8
Tổng cộng		/	80	30	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 3 sẽ được thể hiện trên 4 phần: Điểm Nghe hiểu, điểm Đọc hiểu, điểm Viết và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 03 phần thi Nghe hiểu, Đọc hiểu, và Viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

IV. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 4

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 4 tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 1200 từ vựng thông dụng; thí sinh có thể dùng tiếng Trung Quốc để thảo luận, trao đổi với lĩnh vực giao tiếp tương đối rộng và có khả năng giao tiếp tương đối lưu loát với người bản ngữ.

2. Định dạng đề thi

Bậc 4 tổng cộng có 100 câu hỏi, chia làm 3 phần: Nghe hiểu, Đọc hiểu và Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	45	Khoảng 30
	PHẦN 2	15		
	PHẦN 3	20		
Điền vào phiếu trả lời của phần nghe				5
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	40	40
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	20		
3. VIẾT	PHẦN 1	10	15	25
	PHẦN 2	5		
Tổng cộng	/	100		Khoảng 100

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 105 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi nghe 01 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi được thiết kế có một người nói một đoạn văn ngắn, một người khác căn cứ vào đoạn văn này nói một câu hoàn chỉnh, trên đề thi cũng đưa ra câu nói đó, yêu cầu thí sinh phán đoán đúng sai.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 01 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi được thiết kế hai câu đối thoại, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để hỏi một câu hỏi, đề thi sẽ đưa ra 4 phương án lựa chọn (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ ba có tổng cộng 20 câu hỏi, mỗi câu nghe 01 lần. Nội dung mỗi câu hỏi là một đoạn hội thoại có khoảng 4 đến 5 lời thoại hoặc một đoạn văn ngắn, căn cứ vào đoạn hội thoại hoặc đoạn văn sẽ thiết kế 1 đến 2 câu hỏi. Mỗi câu hỏi trên đề thi sẽ đưa ra 4 phương án lựa chọn (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi được thiết kế gồm 1 đến 2 câu hoàn chỉnh, trong câu có một ô trống, thí sinh phải căn cứ vào các từ đã được cung cấp trên đề thi điền vào chỗ trống trong câu.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi đưa ra 3 câu hoàn chỉnh, thí sinh căn cứ logic giữa các câu để sắp xếp 3 câu này theo thứ tự sao cho phù hợp về mặt nội dung.

Phần thứ ba có tổng cộng 20 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi là một đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có kèm theo một đến hai câu hỏi, thí sinh căn cứ vào 4 phương án (A, B, C, D) đã được cung cấp cho mỗi câu hỏi để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi sẽ cung cấp một vài từ, thí sinh sắp xếp những từ này thành câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai có tổng cộng 5 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi cung cấp một bức tranh và một từ, thí sinh sẽ căn cứ nội dung bức tranh để dùng từ cho sẵn đặt câu.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	10	45	10	0,3
	PHẦN 2	15			0,2
	PHẦN 3	20			0,2
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	40	10	0,25
	PHẦN 2	10			0,25
	PHẦN 3	20			0,25
3. VIẾT	PHẦN 1	10	15	10	0,6
	PHẦN 2	5			0,8
Tổng cộng	/	100		30	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 4 sẽ được thể hiện trên 4 phần: Điểm Nghe hiểu, điểm Đọc hiểu, điểm Viết và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 03 phần thi Nghe hiểu, Đọc hiểu, và Viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

V. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 5

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 5 tương đương trình độ C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững 2500 từ vựng thông dụng; có thể đọc hiểu được sách, báo tạp chí; có thể xem hiểu phim ảnh và thuyết trình tương đối hoàn chỉnh bằng tiếng Trung Quốc.

2. Định dạng đề thi

Bậc 5 tổng cộng có 100 câu hỏi thi, chia làm 3 phần : Nghe hiểu, Đọc hiểu và Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	20	45	Khoảng 30
	PHẦN 2	25		
Điền vào phiếu trả lời của phần nghe				5
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	15	45	45
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	20		
3. VIẾT	PHẦN 1	8	10	40
	PHẦN 2	2		
Tổng cộng	/	100		Khoảng 120

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 125 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 20 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 01 lần. Nội dung mỗi câu hỏi thi là đoạn hội thoại gồm 2 lời thoại giữa hai người, người thứ ba căn cứ vào đoạn hội thoại đó để hỏi một câu hỏi, trên đề thi cung cấp sẵn 4 phương án lựa chọn (A, B, C, D), thí sinh căn

cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ hai có tổng cộng 25 câu hỏi, mỗi câu nghe 01 lần. Câu hỏi của phần thi này là một đoạn hội thoại (gồm từ 4 đến 5 lời thoại) hoặc một đoạn văn ngắn, căn cứ vào đoạn hội thoại hoặc đoạn văn đưa ra 1 hoặc một vài câu hỏi và cung cấp sẵn 4 đáp án (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 15 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi được thiết kế gồm đoạn văn ngắn, trong mỗi đoạn văn sẽ có một vài ô trống cần điền vào đó một từ hoặc cụm từ, thí sinh căn cứ vào 4 phương án trả lời (A, B, C, D) đã được đưa ra cho mỗi ô trống (được đánh số tương ứng) để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi được thiết kế là một đoạn văn ngắn và cung cấp sẵn 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh căn cứ nội dung đoạn văn để chọn một phương án phù hợp (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ ba có tổng cộng 20 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi được thiết kế một đoạn văn ngắn, mỗi đoạn văn có từ 3 đến 4 câu hỏi và mỗi câu hỏi xây dựng sẵn 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung đoạn văn và câu hỏi để lựa chọn đáp ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Phần thứ nhất có tổng cộng 8 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi được cung cấp sẵn một số từ ngữ, thí sinh sắp xếp các từ cho sẵn thành một câu hoàn chỉnh.

Phần thứ hai có tổng cộng 2 câu hỏi thi. Câu hỏi thi thứ nhất cung cấp một vài từ, yêu cầu thí sinh dùng những từ đã cho viết một đoạn văn khoảng 80 chữ. Câu hỏi thi thứ hai đưa ra một hình ảnh, yêu cầu thí sinh dựa vào hình ảnh đó viết một đoạn văn khoảng 80 chữ.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	20	45	10	0,25
	PHẦN 2	25			0,2
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	15	45	10	0,2
	PHẦN 2	10			0,3
	PHẦN 3	20			0,2
3. VIẾT	PHẦN 1	8	10	10	0,5
	PHẦN 2	2			3
Tổng cộng	/	100		30	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng. Điểm thi được làm tròn theo từng kỹ năng và làm tròn dạng số nguyên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 5 sẽ được thể hiện trên 4 phần: Điểm Nghe hiểu, điểm Đọc hiểu, điểm Viết và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 03 phần thi Nghe hiểu, Đọc hiểu, và Viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

VI. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI BẬC 6

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi Bậc 6 tương đương trình độ C2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu, thí sinh cần nắm vững trên 5000 từ vựng thông dụng; dễ dàng nghe và đọc hiểu bản tin tiếng trung Quốc; có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để trình bày lưu loát kiến giải của bản thân bằng cả hình thức nói và viết.

2. Định dạng đề thi

Bậc 6 tổng cộng có 101 câu hỏi, chia làm 3 phần : Nghe hiểu, Đọc hiểu và Viết.

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		THỜI GIAN THI (PHÚT)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	15	50	Khoảng 35
	PHẦN 2	15		
	PHẦN 3	20		
Điền vào phiếu trả lời của phần nghe				5
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	50	50
	PHẦN 2	10		
	PHẦN 3	10		
	PHẦN 4	20		
3. VIẾT	BÀI LUẬN	1		45
Tổng cộng	/	101		Khoảng 135

Toàn bộ thời gian của bài thi khoảng 140 phút (bao gồm thời gian thí sinh điền thông tin cá nhân khoảng 5 phút).

2.1 Nghe hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 15 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 01 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi thí sinh nghe một đoạn văn ngắn và đề thi cung cấp sẵn 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng cho mỗi câu hỏi thi (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ hai có tổng cộng 15, mỗi câu hỏi thi nghe 01 lần. Câu hỏi thi thiết kế dựa trên nội dung 3 đoạn phỏng vấn. Mỗi đoạn phỏng vấn có 5 câu hỏi, mỗi câu hỏi kèm 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ ba có tổng cộng 20 câu hỏi thi, mỗi câu hỏi thi nghe 01 lần. Đối với mỗi câu hỏi thi, thí sinh sẽ được nghe một đoạn văn ngắn, sau mỗi đoạn văn sẽ đưa ra một vài câu hỏi và 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh căn cứ vào nội dung nghe được để chọn ra đáp án đúng (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.2 Đọc hiểu

Phần thứ nhất có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi cung cấp 4 câu hoàn chỉnh, yêu cầu thí sinh sẽ chọn ra 1 câu lỗi.

Phần thứ hai có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mỗi câu hỏi thi là một đoạn văn ngắn trong đó có từ 3 đến 5 ô trống. Mỗi câu hỏi đưa ra 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh phải dựa vào ngữ cảnh để chọn ra một phương án phù hợp với nội dung của đoạn văn (mỗi câu chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ ba có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Mười câu hỏi thi được xây dựng dựa trên 2 đoạn văn. Mỗi đoạn văn sẽ có 5 ô trống kèm theo đó là 5 phương án trả lời là 05 câu hoàn chỉnh (A, B,

C, D, E), thí sinh căn cứ vào ngữ cảnh của đoạn văn để lựa chọn phương án trả lời phù hợp ghép vào 5 ô trống đó nhằm đảm bảo tính logic của đoạn văn (mỗi vị trí ô trống chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

Phần thứ tư có tổng cộng 20 câu hỏi thi được phân bố cho 5 đoạn văn bản. Sau mỗi đoạn văn bản thiết kế 4 câu hỏi thi và 4 phương án trả lời (A, B, C, D), thí sinh chọn ra một đáp án đúng (mỗi câu hỏi thi chỉ có duy nhất một đáp án đúng).

2.3 Viết

Trước tiên, thí sinh phải đọc một bài văn tường thuật khoảng 1000 từ trong thời gian 10 phút. Sau đó viết rút gọn đoạn văn đó thành đoạn văn khoảng 400 chữ, thời gian là 35 phút. Chủ đề tự đặt. Chỉ cần thuật lại nội dung, không được thêm quan điểm cá nhân.

3. Cách tính điểm

NỘI DUNG BÀI THI		SỐ LƯỢNG CÂU HỎI (CÂU)		ĐIỂM TỐI ĐA (ĐIỂM)	SỐ ĐIỂM CHO MỖI CÂU (ĐIỂM)
1. NGHE HIỂU	PHẦN 1	15	50	10	0,2
	PHẦN 2	15			0,2
	PHẦN 3	20			0,2
2. ĐỌC HIỂU	PHẦN 1	10	50	10	0,2
	PHẦN 2	10			0,2
	PHẦN 3	10			0,2
	PHẦN 4	20			0,2
3. VIẾT	BÀI LUẬN	1		10	10
Tổng cộng	/	101		30	

Kết quả thi theo từng kỹ năng của thí sinh sẽ được tính bằng số lượng câu trả lời chính xác nhân với số điểm cho mỗi câu của từng kỹ năng.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của Bậc 6 sẽ được thể hiện trên 4 phần: Điểm Nghe hiểu, điểm Đọc hiểu, điểm Viết và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 03 phần thi Nghe hiểu, Đọc hiểu, và Viết. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KHẨU NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC

Trình độ từ sơ cấp đến cao cấp dùng cho Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025 của Giám đốc ĐHTN)

I. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP (HSKK SƠ CẤP)

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi HSKK Sơ cấp tương ứng với cấp độ 1, 2 của Thang điểm năng lực tiếng Trung và cấp độ A của Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR). HSKK Sơ cấp chủ yếu dành cho những thí sinh đã, đang học tiếng Trung và sử dụng thành thạo khoảng 200 - 300 từ vựng thông dụng. Thí sinh vượt qua được kỳ thi này có thể diễn đạt tiếng Trung với các chủ đề quen thuộc hàng ngày, đáp ứng nhu cầu giao tiếp cơ bản, làm tiền đề cho việc tiếp tục học tiếng Trung Quốc ở bậc cao hơn. HSKK sơ cấp thi cùng HSK3.

2. Định dạng đề thi

HSKK Sơ cấp gồm 2 phần với 12 câu hỏi. Thời gian hoàn thành khoảng 16 phút, bao gồm 10 phút chuẩn bị và 6 phút làm bài.

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	NỘI DUNG
	12	10 phút	Chuẩn bị
PHẦN 1	10 câu	5 phút	Trả lời câu hỏi
PHẦN 2	2 câu	3 phút	Trả lời câu hỏi
TỔNG CỘNG	12 câu	Khoảng 16 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)	\

2.1 Phần 1: Trả lời câu hỏi

Phần thi có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Nội dung câu hỏi thi liên quan đến các chủ đề giao tiếp thông dụng trong đời sống hàng ngày. Các câu hỏi thi trên đề thi đều kèm theo phiên âm. Yêu cầu thí sinh trả lời chính xác các nội dung câu hỏi. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có 30 giây để trả lời mỗi câu hỏi. Tổng thời gian thi 3 phút.

2.3 Phần 2: Trả lời câu hỏi

Phần thi có tổng cộng 02 câu hỏi thi. Nội dung câu hỏi thi liên quan đến các chủ đề giao tiếp thông dụng trong đời sống hàng ngày. Các câu hỏi thi trên đề thi đều kèm theo phiên âm. Yêu cầu thí sinh trả lời câu hỏi chính xác, trọng tâm các nội dung câu hỏi. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có 1,5 phút trả lời mỗi câu hỏi. Tổng thời gian thi 3 phút.

Lưu ý: Thí sinh có 10 phút chuẩn bị cho cả 02 phần thi (từ câu 1 đến câu 12), sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, phần 1 thí sinh có 30 giây trả lời cho mỗi câu hỏi, phần 2 thí sinh có 1,5 phút trả lời cho mỗi câu hỏi thi. Tổng thời gian thi 18 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)

3. Cách tính điểm

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	ĐIỂM TỪNG CÂU	TỔNG ĐIỂM
PHẦN 1	10 câu	3 phút	0,5	5,0
PHẦN 2	2 câu	3 phút	2,5	5,0
TỔNG CỘNG	12 câu	Khoảng 16 phút (Bao gồm 10 phút chuẩn bị)	\	10

Điểm tối đa của HSKK sơ cấp là 10, và số điểm đạt là 6,0 điểm trở lên.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của HSKK sơ cấp sẽ được thể hiện trên ba phần thi là điểm thi phần 1 Trả lời câu hỏi, điểm thi phần 2 Trả lời câu hỏi và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 02 phần thi. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (HSKK TRUNG CẤP)

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi HSKK Trung cấp tương ứng với cấp độ 3, 4 của Thang điểm năng lực tiếng Trung và cấp độ B của Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR). HSKK Trung cấp chủ yếu dành cho những thí sinh đã, đang học tiếng Trung và sử dụng thành thạo khoảng trên 900 từ vựng thông dụng. Thí sinh vượt qua được kỳ thi này có thể dùng tiếng Trung Quốc để thảo luận, trao đổi ở lĩnh vực giao tiếp tương đối rộng và có khả năng giao tiếp khá lưu loát với người bản ngữ.

HSKK Trung cấp thi cùng HSK4

2. Định dạng đề thi

HSKK Trung cấp gồm 2 phần với tổng số 12 câu hỏi. Thời gian hoàn thành khoảng 17 phút, bao gồm 10 phút chuẩn bị và 7 phút làm bài.

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	NỘI DUNG
\	\	10 phút	Chuẩn bị (từ câu 1 đến câu 12)
PHẦN 1	10 câu	3 phút	Đặt câu với từ ngữ cho sẵn
PHẦN 2	2 câu	4 phút	Trả lời câu hỏi
TỔNG CỘNG	12 câu	Khoảng 17 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)	\

2.1 Phần 1: Đặt câu với từ ngữ cho sẵn

Phần thi có tổng cộng 10 câu hỏi thi. Đề bài cung cấp 10 từ, cụm từ hoặc cấu trúc câu, thí sinh căn cứ vào thông tin được cung cấp, tự chuẩn bị nội dung và diễn đạt thành một câu văn hoàn chỉnh. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có 30 giây trả lời mỗi câu hỏi thi. Tổng thời gian thi 3 phút.

2.2 Phần 2: Trả lời câu hỏi

Phần thi có tổng cộng 02 câu hỏi thi. Nội dung câu hỏi thi liên quan đến các chủ đề giao tiếp thông dụng trong đời sống, văn hóa, xã hội. Các câu hỏi thi trên đề thi đều kèm theo phiên âm. Yêu cầu thí sinh tự chuẩn bị nội dung và trả lời câu hỏi chính xác, trọng tâm các nội dung câu hỏi. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có 2 phút trả lời mỗi câu hỏi. Tổng thời gian thi 4 phút.

Lưu ý: Thí sinh có 10 phút chuẩn bị cho cả 02 phần thi (từ câu 1 đến câu 12), sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, phần 1 thí sinh có 30 giây trả lời cho mỗi câu hỏi, phần 2 thí sinh có 2 phút trả lời cho mỗi câu hỏi thi. Tổng thời gian thi khoảng 17 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)

3. Cách tính điểm

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	DIỂM TỪNG CÂU	TỔNG ĐIỂM
PHẦN 1	10 câu	5 phút	0,5	5,0
PHẦN 2	2 câu	4 phút	2,5	5,0
TỔNG CỘNG	14 câu	Khoảng 17 phút (Bao gồm 10 phút chuẩn bị)	\	10

Tổng điểm HSKK trung cấp là 10 điểm, đủ 6,0 điểm là đạt yêu cầu.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của HSKK Trung cấp sẽ được thể hiện trên hai phần thi là điểm thi phần 1 Đặt câu với từ ngữ cho sẵn, điểm thi phần 2 Trả lời câu hỏi và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 02 phần thi. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.

III. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI TRÌNH ĐỘ CAO CẤP (HSKK CAO CẤP)

1. Yêu cầu chung:

Định dạng đề thi HSKK Cao cấp tương ứng với cấp độ 5, 6 của Thang điểm năng lực tiếng Trung và cấp độ C của Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu (CEFR). HSKK Cao cấp chủ yếu dành cho những thí sinh đã, đang học tiếng Trung và sử dụng thành thạo khoảng trên 3000 từ vựng thông dụng. Thí sinh vượt qua được kỳ thi này có thể dùng tiếng Trung Quốc để thảo luận, trao đổi ở các lĩnh vực và có khả năng giao tiếp lưu loát với người bản ngữ.

HSKK Cao cấp thi cùng HSK5 và HSK6

2. Định dạng đề thi

HSKK Cao cấp gồm 3 phần với tổng số 9 câu hỏi. Thời gian hoàn thành khoảng 20 phút, bao gồm 10 phút chuẩn bị và 10 phút làm bài.

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	NỘI DUNG
\	\	10 phút	Chuẩn bị (từ câu 1 đến câu 9)
PHẦN 1	6 câu	3 phút	Đặt câu với từ ngữ cho sẵn
PHẦN 2	1 câu	2 phút	Đọc diễn cảm
PHẦN 3	2 câu	5 phút	Trả lời câu hỏi
TỔNG CỘNG	9 câu	Khoảng 20 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)	\

2.1 Phần 1: Đặt câu với từ ngữ cho sẵn

Phần thi có tổng cộng 05 câu hỏi thi. Đề bài cung cấp 06 từ, cụm từ hoặc cấu trúc câu, thí sinh căn cứ vào thông tin được cung cấp, tự chuẩn bị nội dung và diễn đạt thành một câu văn hoàn chỉnh. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có khoảng 30 giây trả lời mỗi câu hỏi thi. Tổng thời gian thi 3 phút.

2.2 Phần 2: Đọc diễn cảm

Phần thi có tổng cộng 1 câu hỏi thi. Câu hỏi thi là một đoạn văn ngắn khoảng 220 đến 250 chữ, nội dung về các chủ đề ở các lĩnh vực trong đời sống văn hóa xã hội, yêu cầu thí sinh tự chuẩn bị trước. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh có 3 phút đọc diễn cảm đoạn văn. Tổng thời gian thi 3 phút.

2.3 Phần 3: Trả lời câu hỏi

Phần thi có tổng cộng 02 câu hỏi thi. Nội dung câu hỏi thi liên quan đến các chủ đề giao tiếp thông dụng của mọi lĩnh vực trong đời sống văn hóa xã hội. Yêu cầu thí sinh tự chuẩn bị nội dung và trả lời câu hỏi chính xác, trọng tâm các nội dung câu hỏi. Sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị. Tổng thời gian thi 5 phút.

Lưu ý: Thí sinh có 10 phút chuẩn bị cho cả 03 phần thi (từ câu 1 đến câu 9), sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị, phần 1 thí sinh có 30 giây trả lời cho mỗi câu hỏi, phần 2 thí sinh có 2 phút trả lời cho mỗi câu hỏi thi, phần 3 thí sinh có 2,5 phút trả lời cho mỗi câu hỏi thi. Tổng thời gian thi khoảng 20 phút (bao gồm cả thời gian chuẩn bị 10 phút)

3. Cách tính điểm

PHẦN THI	SỐ CÂU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	ĐIỂM TỪNG CÂU	TỔNG ĐIỂM
PHẦN 1	6 câu	3 phút	0,5	3,0
PHẦN 2	1 câu	2 phút	3,0	3,0
PHẦN 3	2 câu	5 phút	2,5	5,0
TỔNG CỘNG	9 câu	Khoảng 20 phút (Bao gồm 10 phút chuẩn bị)	\	10

Tổng điểm HSKK Cao cấp là 10 điểm, đủ 6,0 điểm là đạt yêu cầu.

4. Thông báo kết quả

Kết quả thi của HSKK Cao cấp sẽ được thể hiện trên ba phần thi là điểm thi phần 1 Đặt câu với từ ngữ cho sẵn, điểm thi phần 2 Đọc diễn cảm, điểm thi phần 3 Trả lời câu hỏi và điểm trung bình toàn bài.

Điểm trung bình toàn bài được tính bằng cách tính điểm trung bình chung của 03 phần thi. Điểm trung bình toàn bài làm tròn đến 0,5. Thí sinh đạt 6,0 điểm trở lên là đạt.